TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ, TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2022/KDM-ST
Ngày: 14-4-2022
v/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Thanh Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hiếu

Bà Trần Thị Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Thảo Vân là thư ký của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng***: Bà Trần Lê Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 04 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 23/2021/TLST-KDTM ngày 29 tháng 6 năm 2021 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 3 năm 2022, giữa:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần T . Trụ sở: Số 89 L, phường L, quận Đ, Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Tầng 4, tòa nhà 112 đường P, quận H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí Dũng - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Nguyễn Minh H - Chức vụ: Phó giám đốc VPBank chi nhánh Đà Nẵng (Vắng mặt).

Ông Nguyễn Mạnh S - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (Vắng mặt).

Ông Trần Đình L - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (Có mặt).

Ông Nguyễn Lê Anh T - Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ (Vắng mặt).

(Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Văn bản ủy quyền số 1146/2021/UQ-VPB ngày

29/4/2021của Phó giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý của Ngân hàng Thương mại cổ phần T).

2. Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thiết kế Kiến trúc và Cảnh quan K. Địa chỉ: Số 55-57 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Sỹ H- chức vụ: Giám đốc (Vắng mặt lần thứ hai).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Sỹ H- Sinh năm: 1979. Địa chỉ: Số 55-57 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng (Vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2021 của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần T (Sau đây gọi tắt là Ngân hàng T), bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Đình L trình bày*:

Ngân hàng T có cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thiết kế Kiến trúc và Cảnh quan K (Sau đây gọi tắt là Công ty K) vay tiền theo các Hợp đồng tín dụng sau:

1. Hợp đồng cho vay từng lần số SME/DNA/18/0009/HĐTD ngày 26/01/2018: Công ty K vay số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng (từ ngày 26/01/2018 đến ngày 26/01/2021), phương thức trả nợ: gốc, lãi trả 01 lần/ 01 lần vào ngày 26, kỳ trả nợ gốc và lãi đầu tiên là ngày 26/01/2018; lãi suất vay trong hạn tại thời điểm giải ngân là 21,3%, lãi suất cho vay trong hạn được cố định trong vòng 01 tháng kể từ thời điểm giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 1 tháng, lãi suất sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng 01 lần, ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 26/02/2018. Mức lãi suất điều chỉnh được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do hội sở chính của bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn trên 2 đến = 3 năm và kỳ đỉnh chỉnh lãi suất là 01M tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 14,5%/năm, mục đích vay: thanh toán tiền hàng.

2. Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 22/01/2018: Công ty K vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất trong hạn 25%/ năm, mục đích vay: thanh toán chi phí hợp lý khác của công ty.

Về bảo lãnh: Theo các Hợp đồng bảo lãnh số SME/DNA/18/0009/HĐBL ngày 26/01/2018 và Hợp đồng bảo lãnh số 310118-2812009-01-SME/HĐBL ngày 31/01/2018 mà ông Lê Sỹ Hký kết với Ngân hàng T thì bên bảo lãnh ông Lê Sỹ Hđồng ý dùng toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của mình để bảo lãnh cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bên được bảo

lãnh là Công ty K đối với Ngân hàng T trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo các hợp đồng tín dụng, các văn kiện tín dụng được ký kết giữa Công ty K và Ngân hàng.

Trong quá trình quan hệ tín dụng, Công ty K vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 26/9/2020. Ngân hàng T cũng đã có nhiều lần liên lạc, làm việc yêu cầu Công ty K trả nợ nhưng Công ty K đều né tránh. Do Công ty K đã vi phạm nghĩa vụ nên Ngân hàng T đã khởi kiện.

Tại phiên tòa ngày hôm nay đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể:

1. Buộc Công ty K phải trả nợ cho Ngân hàng T tổng số tiền nợ tính đến ngày 14/4/2022 là 334.213.020 đồng, trong đó: nợ gốc: 209.097.689 đồng, nợ lãi: 120.466.179 đồng, phạt chậm trả lãi: 4.649.152 đồng; (cụ thể: đối với Hợp đồng cho vay từng lần số SME/DNA/18/0009/HĐTD ngày 26/01/2018: nợ gốc là 110.471.370 đồng, nợ lãi là 56.407.803 đồng, phạt chậm trả lãi: 4.649.152 đồng và đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 22/01/2018: nợ gốc là 98.626.319 đồng và nợ lãi là 64.058.376 đồng).

2. Buộc Công ty K phải trả nợ cho Ngân hàng số tiền lãi tính theo lãi suất quy định tại các Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 15/4/2022 cho đến khi trả hết nợ.

3. Trường hợp Công ty K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, hoặc các tài sản không đủ để thanh toán các khoản nghĩa vụ của Công ty K cho Ngân hàng thì buộc ông Lê Sỹ Hlà người bảo lãnh nghĩa vụ cho Công ty K thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký kết.

** Đối với bị đơn Công ty K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Sỹ H:*

Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập hợp lệ nhiều lần cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng người đại diện theo pháp luật của bị đơn đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Sỹ Hvẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật.

Đối với các đương sự: Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 72, Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/06/2021 thì nguyên đơn Ngân hàng T yêu cầu bị đơn Công ty K trả số tiền nợ vay theo Hợp đồng cho vay từng lần số SME/DNA/18/0009/HĐTD ngày 26/01/2018 với mục đích vay là thanh toán tiền hàng và theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 22/01/2018 với mục đích vay là vay thanh toán chi phí hợp lý khác của công ty. Đồng thời, Ngân hàng T và Công ty K đều có đăng ký kinh doanh. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng, quan hệ pháp luật là tranh chấp kinh doanh thương mại về hợp đồng tín dụng.

[1.2] Về thẩm quyền: Bị đơn có địa chỉ tại: Số 55-57 đường T, phường H, quận C, thành phố Đà Nẵng. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, tranh chấp phát sinh giữa Ngân hàng T và Công ty K thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

[1.3] Người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty K đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Sỹ H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Sỹ H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản tiền nợ gốc và nợ lãi.

[2.1.1] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 22/01/2018, Hợp đồng cho vay từng lần số SME/DNA/18/0009/HĐTD và

Khế ước nhận nợ lần thứ 01/Số SME/DNA/18/0009/HĐTD ngày 26/01/2018, HĐXX có cơ sở để xác định: Ngày 22/01/2018 giữa Công ty K và Ngân hàng T có ký kết Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế để vay số tiền 100.000.000 đồng và ngày 26/01/2018 hai bên tiếp tục ký Hợp đồng cho vay từng lần số SME/DNA/18/0009/HĐTD để vay số tiền 500.000.000 đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự. Hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với các Điều 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

[2.1.2] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định Công ty K còn nợ Ngân hàng T tổng số tiền nợ tính đến ngày 14/4/2022 là 334.213.020 đồng, trong đó: nợ gốc: 209.097.689 đồng, nợ lãi: 120.466.179 đồng, phạt chậm trả lãi: 4.649.152 đồng (cụ thể: đối với Hợp đồng cho vay từng lần số SME/DNA/18/0009/HĐTD ngày 26/01/2018: nợ gốc là 110.471.370 đồng, nợ lãi là 56.407.803 đồng, phạt chậm trả lãi: 4.649.152 đồng và đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 22/01/2018: nợ gốc là 98.626.319 đồng và nợ lãi là 64.058.376 đồng). HĐXX xét thấy: Bị đơn Công ty K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm thỏa thuận tại 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng T . Do đó, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T buộc Công ty K có nghĩa vụ thanh toán tổng số tiền tổng số tiền nợ tính đến ngày 14/4/2022 là 334.213.020 đồng, trong đó: nợ gốc: 209.097.689 đồng, nợ lãi: 120.466.179 đồng, phạt chậm trả lãi: 4.649.152 đồng và lãi tiếp tục tính từ ngày 15/4/2022 cho đến khi Công ty K trả dứt điểm số tiền trên theo lãi suất đã ký kết là có cơ sở và phù hợp với các điều khoản trong 02 hợp đồng tín dụng số REF1905800117/HĐTD-TDH/CN-HD ngày 28/02/2019 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 22/01/2018 cũng như phù hợp với quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Các Điều 13, 18 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước nên HĐXX chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của Ngân hàng về biện pháp giao dịch bảo đảm để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty K không trả nợ:

Để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ của Công ty K đối với các khoản vay tại Ngân hàng, ông Lê Sỹ H đã bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu hợp pháp của mình theo Hợp đồng bảo lãnh số SME/DNA/18/0009/HĐBL ngày 26/01/2018 và Hợp đồng bảo lãnh số 310118-2812009-01-SME/HĐBL ngày 31/01/2018. Hợp đồng bảo lãnh này được ký kết dựa trên sự tự nguyện của các chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, hành vi dân

sự, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại các Điều 117, 335, 336 và 339 Bộ luật Dân sự có hiệu lực thi hành. Do đó, trường hợp Công ty K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T ông Lê Sỹ Hcó trách nhiệm thực hiện việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty K đối với Ngân hàng T theo hợp đồng bảo lãnh đã ký và theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Dân sự.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là cơ sở phù hợp với nhận định trên của HĐXX nên được chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên, HĐXX có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 5 % x 334.213.020 = 16.710.651 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 30, 35, 39, 227, 228, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 335, 336, 339, 342 Bộ luật Dân sự;

- Điều 91, khoản 1 Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

- Các Điều 13, 18, 23, 27 và 28 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

- Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016 và công bố theo Quyết định số 698/QĐ-CA ngày 17/10/2016 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần T về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" đối với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thiết kế Kiến trúc và Cảnh quan K.

2. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thiết kế Kiến trúc và Cảnh quan K phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T tổng số tiền là 334.213.020 đồng (Ba trăm ba mươi bốn triệu, hai trăm mười ba nghìn, không trăm hai mươi đồng), trong đó: nợ gốc: 209.097.689 đồng, nợ lãi: 120.466.179 đồng, phạt chậm trả lãi: 4.649.152 đồng (tính đến ngày 14/4/2021), cụ thể: đối với Hợp đồng cho vay từng lần số SME/DNA/18/0009/HĐTD ngày 26/01/2018: nợ gốc là 110.471.370 đồng, nợ lãi là 56.407.803 đồng, phạt chậm trả lãi: 4.649.152 đồng và đối với Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ngày 22/01/2018: nợ gốc là 98.626.319 đồng và nợ lãi là 64.058.376 đồng)

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thiết kế Kiến trúc và Cảnh quan K không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T thì ông Lê Sỹ Hcó trách nhiệm thực hiện việc bảo lãnh cho toàn bộ nghĩa vụ của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thiết kế Kiến trúc và Cảnh quan K đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần T theo hợp đồng bảo lãnh đã ký.

3. **Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:**

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Thiết kế Kiến trúc và Cảnh quan K phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 16.710.651 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần T số tiền tạm ứng án phí 6.590.075 đồng theo biên lai thu số 0009745 ngày 29/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

4. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự.Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký tên và đóng dấu

Ngô Thị Thanh Tuyền